

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/DS-PT

Ngày: 07/5/2021.

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đình Tiến

Bà Võ Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 tháng 5 năm 2021 và ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 147/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐ-PT ngày 18/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25A/2021/QĐPT-DS ngày 11/3/2021, Quyết định ngừng phiên tòa số 10/2021/QĐPT-DS ngày 05/4/2021, Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 11/TB-TA ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Phan Văn Th.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng L. (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020).

Địa chỉ: Khu vực 1, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị Thu T.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trương Thanh V – Văn phòng Luật sư Nguyễn T-HG – Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 37, Ngõ Q, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thu T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

*Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng L trình bày như sau:*

Ngày 20/3/2007 âm lịch, ông Phan Văn Th có mở một dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 25 phần, bà Huỳnh Thị Thu T (tên trong sổ hụi là Hùng Gõ) có tham gia một phần và hót hụi lần thứ nhất. Số tiền hụi bà T hót được là 89.900.000 đồng, bà T có ký nhận vào biên nhận giao hụi và thỏa thuận mỗi tháng bà T đóng hụi chết là 5.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi. Sau khi hót hụi bà T chỉ đóng hụi chết được 04 lần thì ngưng không đóng nữa. Như vậy bà T còn nợ lại 20 lần hụi chết với số tiền là:  $20 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 100.000.000 \text{ đồng}$ . Ông Th có nhiều lần đến gặp bà T để đòi tiền hụi nhưng bà T không trả nên khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là ông Th chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu T trả cho ông Th số tiền vốn mà bà T đã nhận khi hót hụi là 89.900.000 đồng, trừ đi 04 lần hụi chết bà T đã đóng là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T phải trả là 69.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:* Hơn 10 năm trước, chồng bà là ông Trần Văn H (tên gọi khác: Hùng Gõ, đã chết) có tham gia chơi hụi do ông Th làm chủ hụi và hụi này đã kết thúc từ lâu. Bà không nhớ bao nhiêu người chơi hụi và bao nhiêu phần hụi, số tiền dây hụi khui là bao nhiêu trên tháng. Sau khi Tòa án cho xem giấy nhận tiền hót hụi bên ông Th cung cấp, bà thống nhất chữ ký trong biên nhận là của bà, thống nhất số tiền hụi đã nhận là 89.900.000 đồng, các vấn đề khác bà không nhớ rõ. Sau khi hót hụi, có khi ông H đóng, có khi bà đóng tiền hụi chết cho ông Th hoặc người của ông Th kêu đến (lâu quá không nhớ rõ là ai). Khi đóng hụi thì đến tháng đưa tiền cho ông Th không có ký nhận. Dây hụi này đã kết thúc từ lâu, ông Th không yêu cầu kéo dài đến nay mới yêu cầu là không phù hợp. Giấy tờ ông Th cung cấp chỉ là giấy giao nhận tiền hót hụi, không phải biên nhận nợ hụi. Khi chơi hụi, ông Th không có giao sổ hụi cho gia đình bà, bà cũng không biết danh sách những ai tham gia chơi hụi cùng. Nay, bà T không đồng ý trả số tiền hụi chết là 69.900.000 đồng như ông Th yêu cầu vì bà đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng hụi chết cho ông Th. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu

đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Th, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 144/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Th.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Th số tiền vốn hui 69.900.000 (*Sáu mươi chín triệu chín trăm nghìn*) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2020, bà Huỳnh Thị Thu T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết như sau: Xác định lại quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng dân sự về hui”, áp dụng thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thời hiệu khởi kiện đã hết và nguyên đơn không cung cấp được sổ hui để chứng minh bà Huỳnh Thị Thu T là người chơi hui do đó bà T không có nghĩa vụ đóng hui chết cho ông Th.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Hồ sơ thể hiện, ngày 20/3/2007 âm lịch, ông Phan Văn Th có mở một dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 25 phần, bà Huỳnh Thị Thu T (tên trong sổ hụi là Hùng Gổ) có tham gia một phần và hốt hụi lần thứ nhất. Số tiền hụi bà T hốt được là 89.900.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chỉ đóng hụi chết được 04 lần thì ngưng không đóng nữa. Ông Th yêu cầu bà T trả lại số tiền còn nợ 69.900.000 đồng. Bà T không thừa nhận lời trình bày của ông Th và cho rằng bà không có tham gia hụi do ông Th làm chủ, việc chơi hụi là do chồng bà ông Trần Văn H (tên gọi khác là: Hùng gổ) tham gia nên trong giấy giao nhận tiền hốt hụi do ông Th cung cấp để tên ông Hùng Gổ.

Xét thấy, ông H “Hùng Gổ” có liên quan đến giao dịch hụi với ông Th, ông H đã chết (giấy chứng tử bl 30A) do đó cần đưa các hàng thừa kế của ông H tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm không đưa các con của ông H và bà T gồm Trần Mỹ T, Trần Mỹ N, Trần Phú K vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm tránh những sai sót tương tự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T.

Bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng dân sự về hụi” và áp dụng thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu này đưa ra trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án là phù hợp với quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, nguyên đơn tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn hụi còn nợ là 69.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ theo quy định tại Điều 155, Điều 158, Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Theo giấy nhận tiền hụi mà nguyên đơn cung cấp thì ông H “Hùng Gổ” là người kê hụi hốt và bà T vợ ông H là người ký nhận tiền hụi, bà T cũng thừa nhận điều này thì tình tiết trên không phải chứng minh bằng chứng cứ. Quá trình thụ lý phúc thẩm, bà T cung cấp bản kê cân trừ nợ giữa ông H và ông Th và cho rằng số tiền ông H hốt hụi 89.900.000 đồng được trừ qua số tiền ông Th còn thiếu ông H 81.639.000 đồng, do đó ông H còn nợ ông Th 8.261.000 đồng, sau đó ông H đã trả cho ông Th xong số tiền trên. Tại biên bản làm việc ngày 11/3/2021 (bl 89) ông L đại diện theo ủy quyền của ông Th cho rằng số tiền

81.639.000 đồng là số tiền bà T nợ ông Th, sau đó hốt hui được 89.900.000 đồng nên mới cần trừ, ông Th còn có nghĩa vụ giao cho bà T số tiền 8.261.000 đồng.

Xét thấy, lời trình bày của ông L tại biên bản làm việc ngày 11/3/2021 mâu thuẫn với lời trình bày của ông L tại phiên tòa, tại phiên tòa ông cho rằng bản kê mà nguyên đơn cung cấp và việc cần trừ chỉ để hợp thức hóa cho bà T về tính toán lại với chị bà T (người mà bà T chơi hui dùm), không có việc cần trừ và ông Th không có đưa thêm cho bà T 8.261.000 đồng. Tòa án tiến hành đối chất giữa các bên về bản kê mà bị đơn cung cấp, theo biên bản đối chất ngày 22/4/2021 (bl 107) ông Th cho rằng ông đã giao số tiền hốt hui cho bà T là 89.900.000 đồng, việc khấu trừ số tiền 81.639.000 đồng đối với số tiền 89.900.000 đồng, còn lại 8.261.000 đồng là do ông Th ghi cho bà T để bà T về tính toán lại với chị bà T. Ông Th không có giao cho bà T số tiền 8.261.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản kê mà bà T cung cấp (BL 93) chỉ ghi nhận số tiền và ngày tháng năm tương ứng với số tiền, việc cần trừ số tiền 81.639.000 đồng và tiền hốt hui 89.900.000 đồng nhưng không ghi cụ thể số tiền 81.639.000 đồng là của ông Th hay ông H và cần trừ xong thì số tiền còn lại là ai sẽ trả cho ai. Mặt khác tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền hui đã hốt 89.900.000 đồng thì không thể có việc cần trừ như lời bị đơn trình bày nên bản kê mà bị đơn cung cấp không được xem là chứng cứ hợp pháp. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Bà T phản đối yêu cầu của ông Th nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bà đã thực hiện xong nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ ông Th. Do đó bà T phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ông Th.

Trong vụ án này, bà T, ông có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 69.900.000 đồng cho ông Th, ông H đã chết (giấy chứng tử bút lục 30A) thì các con của ông H gồm Trần Mỹ T, Trần Mỹ N, Trần Phú K kế thừa nghĩa vụ trả nợ của ông H cho ông Th. Quá trình giải quyết vụ án chị T, chị N, anh K có cung cấp lời khai và cho rằng năm 2007 ông H tham gia hui của ông Th thì chị T, chị N, anh K còn quá nhỏ và không biết về tiền hui mà ông H đã tham gia, nếu có phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông H thì bà T đại diện trả nợ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2021 bà T xác định nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này nếu có phát sinh khoản nợ mà ông Th khởi kiện có liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của ông H thì bà đồng ý trả luôn phần của các con bà.

Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên không cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của của bà T.

[3] Đối với phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 184, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 155, Điều 158, Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Th.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Tuyên xử:*

1. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phan Văn Th số tiền vốn hui 69.900.000 đồng (*sáu mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu là 3.495.000 đồng (*ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Ông Phan Văn Th được nhận lại 2.700.000 đồng (*hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003165 ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006014, ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 07/5/2021.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Dương Quốc Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN                      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phụng      Nguyễn Đình Tiến                      Dương Quốc Tuấn**